

## PHẨM “TÍN GIẢI” THỨ TƯ

Chữ “giải” nghĩa là hiểu nhưng có hai loại: 1. Tự dùng trí tuệ để thấy rõ tướng pháp tức là người theo pháp thực hành thì gọi là thấy hiểu; 2. Không tự mình thấy lý nhưng nhờ thầy nghe pháp mà hiểu tức là người tin mà thực hành cho nên gọi là tin hiểu (tín giải). Nay trong phẩm này nêu lên bốn vị đại Thanh-văn nghe rồi lãnh hội nghĩa khai mở ba thừa và hiển bày một thừa nên tin lý đồng quy chứ chẳng phải có hai lý. Do tin mà được hiểu nên gọi là phẩm “Tín giải” (tin hiểu).

Hỏi: Chỉ có bốn người này lãnh hội còn có những người khác không?

Đáp: Nếu khiến cho hạng người có căn tánh bậc trung hiểu được thì cũng đã vô lượng nhưng nay chỉ nêu lên bốn người là vì những người này là bậc thượng thủ! Trong việc dùng thí dụ để thuyết khai mở ba thừa và hiển bày một thừa nhằm giáo hóa người có căn tánh bậc trung vốn có bốn phẩm tức thành bốn đoạn. Một phẩm này tức đoạn thứ hai nói lên người có căn tánh bậc trung đã lãnh hội và hiểu rõ. Lại nói trong bốn đoạn mỗi đoạn được phân làm hai. Nay trong đoạn lãnh hội và hiểu này có hai phần tức là: 1. Kinh gia trình bày tướng trạng của người trung căn được hiểu; 2. Từ “mà bạch Phật rằng” trở xuống đến phẩm hết tức là lời trình bày được hiểu của người trung căn. Lại căn cứ trong hai phần này mỗi phần được phân làm hai. Trong phần giới thiệu đầu có hai: 1. Từ “bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề” trở xuống “vui mừng hơn hở” là trình bày người có căn tánh bậc trung trong nội tâm hoan hỷ; 2. liệt kê hành tướng cung kính ở bên ngoài. Trong phần thứ nhất “nội tâm hoan hỷ” có ba mục: 1. Liệt kê nêu ra bốn người hoan hỷ như Tu-bồ-đề v.v...; 2. Nói rõ nguyên do hoan hỷ tức chính vì nghe pháp chưa từng có; 3. Nói lên sự hoan hỷ.

Sở dĩ, nói Tuệ mạng Tu-bồ-đề là vì có hai cách giải thích: 1. Nói xưa kia chưa hiểu rõ việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa thuộc lý đồng quy nên lấy tâm người ngu si tương tục làm mạng. Nhưng nay đã được hiểu tôn chỉ của quyền và thật trí nên lấy tâm tuệ tương tục làm mạng. Nếu như vậy thì cũng nên nói tuệ mạng Ca-chiên-diên cho đến tuệ Mục-kiền-liên. Sở dĩ chỉ nêu lên Tu-bồ-đề là vì lấy điều này hổ tương nêu ra làm luận; 2. Tu-bồ-đề là bậc hiển lý “Không” đệ nhất nên lấy “tuệ không” làm mạng. Khi còn ở hội Đại Phẩm Tu-bồ-đề đã vì các Bồ-tát mà chuyển nói Bát-nhã. Vì điều này cho nên gọi là Tuệ mạng Tu-bồ-đề. Đây tức là lấy từ căn bản mà đặt tên. Hỏi: Hiểu được

lý “Không” mà đặt tên thì cũng nên đối với bậc luận nghị đệ nhất Ca-chiên-diên và bậc thân thông đệ nhất, Mục-kiền-liên mà nói thế?

Đáp: Đây cũng do hổ tương mà nêu lên. Nếu quyết định như vậy, thì lúc ấy kèm theo cũng nên nói Ma ha Tu-bồ-đề. Vậy vì cớ gì ba người sau lại đều có tên Ma ha mà Tu-bồ-đề lại không mang danh hiệu như vậy? Cho nên biết đây là hổ tương nêu lên hai nghĩa song song để nói rõ.

Trong nguyên do sanh hoan hỷ vốn có hai phần: 1. Nêu lên việc nghe pháp chưa từng có tức chính là do nghe thí dụ nói khai mở ba thừa và hiển bày một thừa mà hiểu rõ một nghĩa; 2. Nói rõ sự trợ giúp được hiểu, do vì đã trải qua phần pháp thuyết cho người thượng căn là Xá-lợi-phất, và nghe Phật thọ ký cho ngài, nên đây là sự trợ giúp cho người trung căn được hiểu ở đây.

Từ “sanh tâm hi hữu” trở xuống chính là tụng sự vui mừng. “Liên từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục... cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật” tức liệt kê hình tướng cung kính ở bên ngoài. Trong phần nói trình bày được hiểu gồm có hai đoạn: 1. Từ “mà bạch Phật rằng” trở xuống đến bảy mươi ba hàng rưỡi kệ nêu lên sự lãnh hội hiểu biết nghĩa “nhà lửa” cho đến phẩm Phương Tiện ở trên tức khai mở ba thừa và hiển bày một thừa; 2. Từ “ân lớn của Thế Tôn” trở xuống có mười ba hàng kệ chính là nêu lên do nương vào Phật mà được hiểu. Do đó, khen ngợi ân của Phật sâu xa khó báo đáp để tổng kết sự lãnh hội hiểu biết. Lại căn cứ trong hai đoạn này mỗi đoạn được mở làm hai phần. Tạm gác lại đoạn khen ngợi sau xuống dưới sẽ chia.

Nay xét trong đoạn lãnh hội hiểu biết có hai phần: trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng tự có ba đoạn: 1. Trước hết lược nói lên sự lãnh hội hiểu biết; 2. Muốn nêu rộng sự lãnh hội hiểu biết nên trước tiên xét hỏi như lại; 3. Từ “thí như có người” đến hết phần Văn Trường hàng rộng nêu lên sự lãnh hội hiểu biết. Lại xét trong đoạn thứ nhất và thứ ba mỗi đoạn mở làm hai phần đoạn thứ hai xét chỉ hỏi có một phần mà không có mở rộng.

Trong đoạn thứ nhất lược nói sự lãnh hội hiểu biết có hai tức là: 1. Dùng pháp để nói lên sự lãnh hội hiểu biết; 2. Nói “vô lượng các trân báu, không cần mà tự được” tức dùng thí dụ để nói. Trong đoạn thứ ba rộng nói sự lãnh hội hiểu biết có hai phần tức: khai mở thí dụ và hợp thí dụ.

Trong đoạn dùng pháp để thuyết có hai tức là: 1. Trước tiên nêu lên xưa kia không có mong cầu; 2. Từ “chúng con ngày hôm nay, đang ở

trước chỗ Phật” trở xuống nói rõ ngày nay tự đạt được quả. Trong đoạn dùng thí dụ để thuyết cũng như vậy. “Vì sao xưa kia khi ở hội Đại Phẩm (Bát-nhã), con đã đích thân vì các Bồ-tát chuyển dạy Bát-nhã nói rõ nhân Đại thừa như kia, nói quả Đại thừa như đây. Nhưng con khi ấy đối với nhân Đại thừa không có mong cầu, đối với quả Đại thừa cũng không mong cầu, mà con lúc ấy tự biết nhân quả Đại thừa là pháp vi diệu” tức là chỉ cho sự không mong cầu. Tại sao miệng nói như là Phật nói: thấy vô vi đi vào chánh vị không thể lại phát khởi tâm bồ-đề? Mà nay gặp hội Pháp Hoa tức liền hội ba thành một thừa nói rõ các Thanh-văn hành Tiểu thừa đều thành tựu quả Phật. Đây tức là nghĩa “tự đạt được”. Lại trong việc nói rõ xưa kia không có mong cầu tự có hai phần: 1. Liệt kê ba thứ chương môn không có mong cầu; 2. Từ “không còn gì nhận lãnh” trở xuống tức giải thích ba loại chương môn ở trên.

Ba chương môn ấy chính là: 1. Nói đứng đầu trong hàng tăng cho nên không có mong cầu; 2. Nói “tuổi đều già nua” nên không có mong cầu; 3. Nói “tự cho đã được Niết-bàn” nên không có mong cầu. Đây đều nói lên các sự việc ở thời gian trong hội Đại Phẩm trước đây. Nói là bậc đứng đầu trong đại chúng mà không có lòng mong cầu nghĩa là: Tu-bồ-đề v.v... xưa kia đã là bậc Thượng tọa chấp giáo học Tiểu thừa nên nhất định tôn vị đều có thứ lớp. Tại sao như vậy? Vì nếu học Bồ-tát thì không hỏi đạo hay tục, hễ thọ giới trước tức là đây có nghĩa là lớn: “Con thuở xưa có đệ tử đều tùy theo nơi con mà học pháp Tiểu thừa, nay đột nhiên chuyển tâm cải đổi chứ chẳng phải nói là người đứng đầu trong đại chúng”. Vì nghĩa này cho nên đối với nhân quả Đại thừa không sanh tâm mong cầu. Nói “tuổi đã già nua nên không sanh tâm mong cầu” nghĩa là bản hoài của Bồ-tát như không tiếc thân mạng để làm lợi ích cho chúng sanh khắp mọi nơi... Tuổi của chúng con đã cao sao có khả năng làm được?! Trước nói “đứng đầu trong chúng” là nói rõ tuổi đạo đã lớn sau lại nói “tuổi đã già nua” tức tuổi đời lại cao. Chỉ vì tuổi đời tuy cao nhưng chưa hẳn tuổi đạo đã lớn, mà nay nói rõ tuổi đạo lớn mà tuổi đời cũng cao. Nói “tự cho mình đã đạt Niết-bàn mà không có lòng mong cầu” nghĩa là Phật xưa nói có đạo Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát nhưng “thuở ấy chúng con đã đạt đến Niết-bàn Thanh-văn Duyên-giác mà lấy đó làm cứu cánh”. “Lại nghe Phật nói: nếu người thấy vô vi mà nhập vào chánh vị tức thời không thể phát tâm Bồ-đề” tức là ở trên chỗ cao nguyên không thể có hoa sen sanh ra. Do có ba nghĩa này cho nên không có mong cầu.

“Không còn gì nhận lãnh” trở xuống tức giải thích ba loại chương

môn không mong cầu ở trên. Trước hết giải thích chương môn “tự cho mình đã chứng Niết-bàn”. “Đức Thế Tôn thuở trước nói pháp đã lâu” trở xuống là giải thích chương môn “đứng đầu trong chúng nên không có mong cầu”. “Thuyết pháp đã lâu” tức không nói Phật ngồi đã lâu mà chỉ xác định hội pháp Bát-nhã trước đây cho nên nói là “lâu”. Do đối với nhân quả Đại thừa không đem tâm thực hành cho nên nói là mỗi một. Do chỉ nhớ nghĩ đến ba pháp Tiểu thừa trong ba thời cho nên nói là tinh tấn. “Lại nay chúng con tuổi đã già nua” trở xuống là giải thích chương môn “tuổi đời đã già nua nên không có mong cầu”.

“Chúng con hôm nay ở trước Phật nghe thọ ký cho Thanh-văn sẽ đặng đạo bồ-đề” trở xuống là nêu lên nghĩa “ngày nay tự nhiên đạt được quả vị” “vô lượng trân báu chẳng tìm cầu mà tự đặng” tức là dùng thí dụ để nói. Trong việc dùng thí dụ để nói này cũng có hai ý tức là vì hai đoạn ở trên mà tạo ra thí dụ. Nay nói “vô lượng trân báu chẳng cầu” tức gồm sáu chữ nêu ra ba thứ không mong cầu ở trên làm thí dụ. Kế đến “tự đạt” chỉ có hai chữ nói lên việc ngày nay tự nhiên đạt được quả vị làm thí dụ.

“Thế Tôn, chúng con hôm nay thích nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó” tức chính tụng phần Văn Trường hàng trong việc lãnh hội hiểu biết vốn có ba phần. Phần thứ nhất tức lược nêu ra sự lãnh hội hiểu biết đã trình bày xong. Đây là phần thứ hai tức chuẩn bị muốn rộng nói ra sự lãnh hội hiểu biết cho nên trước hết nói “xét hỏi Như Lai”. “Thí như có người” trở xuống đến phần Văn Trường hàng là phần thứ ba “rộng lãnh hội hiểu biết”. Căn cứ trong phần “rộng lãnh hội hiểu biết” này cũng có hai phần: Triển khai thí dụ và hợp lại thí dụ. Trong phần triển khai thí dụ gồm có chín thí dụ tương ứng với mười thứ thí dụ “Nhà lửa” ở phẩm trên. Cũng có thể hợp xa với căn bản của mười thí dụ ở trong phẩm Phương Tiện, nhưng nay không lãnh hội hết cả mười thí dụ ấy. Ở trên, trong việc nói về nhà lửa vốn có mười thí dụ nhưng ở đây chỉ lãnh hội bảy thí dụ mà không lãnh hội thí dụ thứ sáu “cha hoan hỷ”, thí dụ thứ bảy “các con mong muốn có xe” và thí dụ thứ mười “không có hư dối”. Sở dĩ không lãnh hội thí dụ thứ sáu là vì nghĩa của thí dụ thứ năm “thoát khỏi nạn” thì nghĩa của thí dụ thứ sáu “Cha hoan hỷ” sẽ tự nhiên rõ. Sở dĩ không lãnh hội thí dụ thứ bảy vì ở trên “các con cầu được xe” tức là tâm mê hoặc tức ẩn mất không lãnh hội. Sở dĩ không lãnh hội thí dụ thứ mười là vì nay đã được hiểu nên cần gì phải nói đến sự việc không hư dối. Nếu khiến được lãnh hội thì tự như nói lúc không hiểu tức là xưa kia có hư dối nhưng nay đã không có hư dối thế cho nên không lãnh hội thí

dụ này. Ở trên vốn có mười thí dụ nhưng nay chỉ hợp lãnh hội bảy thí dụ nên chỉ có bảy đoạn. Sở dĩ có chín thí dụ là vì trong đây, hai thí dụ thứ tư và thứ năm cùng lãnh hội thí dụ thứ tư: “Trưởng giả cứu được con” ở phẩm thí dụ trên. Trong đây, thí dụ thứ sáu “giao cho cửa cái” không lãnh hội ý khai mở ba thừa và hiển bày một thừa, đây chính là lãnh hội xa ý của thời hội Đại Phẩm trước đây chỉ vì “gã cùng tử” ngày nay đã hiểu ý sâu xa của Phật xưa kia ở thời hội Đại Phẩm nên đã khiến con vì các Bồ-tát chuyển dạy Bát-nhã. Nhưng khi ấy trong chúng Phật vì con mà nói nhân quả Đại thừa này tức là “ban đầu và rốt sau khiến ông đạt được nhân quả này”. Do tu Bồ-đề hôm nay đã được hiểu cho nên mới nói: hiểu được ý sâu xa ấy.

Chín thí dụ được trình bày như sau: 1. Thí dụ cha con thất lạc; 2. Thí dụ cha con (gặp) thấy nhau; 3. Thí dụ kêu con không được; 4. Thí dụ kêu con được; 5. Thí dụ dạy làm người làm công; 6. Thí dụ giao cửa cái; 7. Thí dụ thấy con trưởng thành; 8. Thí dụ giao phó gia nghiệp; 9. Thí dụ được gia nghiệp cho nên vui mừng.

1. Từ “thí như có người” trở xuống đến “không còn lo buồn” tức là nêu lên thí dụ “cha con thất lạc”. Đây tức lãnh hội thí dụ thứ nhất trong “nhà lửa” ở trước, “chủ nhà” cũng gọi là thí dụ tổng. Và cũng lãnh hội xa trong phẩm Phương tiện nói “nay ta cũng như vậy” trở xuống tức nói lên đức Thích Ca đồng với chư Phật trước khai mở ba thừa, sau hiển bày một thừa để giáo hóa chúng sanh trong cõi đời năm thứ nhơ ấ này; 2. Từ “lần lửa làm thuê làm mướn” trở xuống “ta dầu tuổi đã già nua vẫn còn tham tiếc” là nêu thí dụ “cha con thấy nhau”. Đây tức lãnh hội thí dụ thứ ba trong nhà lửa ở trên “Trưởng giả thấy lửa”, cũng lãnh hội xa ở phần thứ hai trong phẩm Phương tiện nói “Xá-lợi-phất nên biết, ta dùng Phật nhân quán sát” trở xuống tức nói rõ Phật thấy chúng sanh bị năm thứ nhơ ấ làm hôn mê; 3. Từ “liền sai người hầu cận đuổi theo bắt về” trở xuống đến “qua đến xóm nghèo để tìm cầu ăn mặc” tức là nêu lên thí dụ “gọi con mà không được”. Đây lãnh hội thí dụ thứ ba “Trưởng giả cứu con mà không được” trong nhà lửa ở trên. Và cũng lãnh hội xa trong phẩm Phương tiện nói “ta xưa ngồi đạo tràng” trở xuống tức nói rõ Phật dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh nhưng chưa được; 4. Từ “Bấy giờ, Trưởng giả toan muốn dụ dẫn người con mà bày chức phương tiện” trở xuống đến “thương xót mà lấy làm lạ” tức nêu lên thí dụ “gọi được con”. Đây tức lãnh hội thí dụ thứ tư “Trưởng giả cứu được con” trong nhà lửa ở trên. Thí dụ này vốn có bốn phần. Nay thí dụ thứ tư này trước hết lãnh hội hai phần đầu: dự định dùng ba xe

thích nghi và thấy con có lòng ham thích, và cũng lãnh hội xa ở phần thứ tư trong phẩm Phương tiện nói “ta nhớ nghĩ về chỗ hành lực phương tiện của chư Phật trong quá khứ” trở xuống tức nói lên Phật dùng ba thừa để giáo hóa được chúng sanh, đây cũng có bốn phần nhưng nay trước tiên chỉ hợp hai phần đầu: dự định dùng ba thừa giáo thích nghi và thấy căn cơ của người trong ba thừa; 5. Từ “lại một ngày khác ở trong cửa sổ” trở xuống “nhưng chỗ gả ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ” tức nêu lên thí dụ “dạy làm người làm công”. Đây lãnh hội thí dụ thứ tư “cứu được con” trong nhà lửa tức lãnh hội hai phần sau: vì nói ba xe và các con thọ nhận, phụng hành. Đây cũng lãnh hội xa ở trong phẩm Phương tiện nói “giáo hóa được chúng sanh” tức hợp với hai phần sau: nói giáo ba thừa và người trong ba thừa tin nhận, phụng hành. Do đó nói thí dụ thứ tư và thứ năm cùng lãnh hội một thí dụ ở trên. Sở dĩ như vậy là vì trong việc dùng pháp để thuyết riêng dựa trên ứng thân để nói rõ cho nên hợp mà không lia. Nay bốn vị Thanh-văn lớn lãnh hội hiểu rõ ý sâu xa của Phật tức dựa trên hai thân: Ứng thân và Chơn thân để nói rõ điều đó cho nên mới phân làm hai phần; 6. Từ “Bấy giờ, Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết” trở xuống “tâm chí hạ liệt cũng chưa bỏ được” tức nêu lên thí dụ “giao phó của cải”. Đây tức là không lãnh hội ý “khai mở ba thừa và hiển bày một thừa” ở trên. Và đây cũng lãnh hội xa ý “xưa kia, khi ở hội Đại Phẩm khiến Tu-bồ-đề vì các Bồ-tát mà chuyển dạy Bát-nhã”; 7. Từ “lại trải qua ít lâu sau cha biết tâm chí con đã dần dần thông thái” trở xuống tức nêu lên thí dụ: “thấy con đã trưởng thành”. Đây tức lãnh hội thí dụ thứ năm trong nhà lửa ở trên “thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa” trở xuống là nói rõ thí dụ “thấy các con thoát nạn” và đây cũng lãnh hội xa ở phần thứ năm trong phẩm Phương tiện nói “Xá-lợi-phất phải biết, Ta thấy các Phật tử, chí quyết cầu Phật đạo” gồm một kệ nói rõ Như Lai thấy người trong ba thừa phát khởi căn cơ Đại thừa; 8. Từ “đến sắp chết ông gọi người con đến” trở xuống tức nêu lên thí dụ “giao phó gia nghiệp” đây lãnh hội thí dụ thứ tám trong nhà lửa ở trên “Trưởng giả ban cho xe lớn” tức cũng lãnh hội xa ở phần thứ tám trong phẩm Phương tiện nói “đối với các Bồ-tát, xả bỏ ngay phương tiện” là nói rõ Phật thuyết kinh Pháp Hoa cho đại chúng và thọ ký cho họ được làm Phật; 9. Từ “khi đó gã cùng tử nghe cha nói như thế liền rất vui mừng” tức nêu lên thí dụ “người con được gia nghiệp nên vui mừng”. Đây cũng lãnh hội thí dụ thứ chín trong nhà lửa ở trên “các con có được xe nên vui mừng” tức cũng lãnh hội xa ở phần thứ chín trong phẩm Phương tiện nói “Bồ-tát

nghe pháp này, lưới nghi đều dứt sạch, ngàn hai trăm La-hán, cũng đều sẽ thành Phật” nhằm nói rõ khi ấy đại chúng nghe Phật nói kinh Pháp Hoa và được Phật thọ ký làm Phật nên sanh tâm hoan hỷ và người của ba thừa liền thọ nhận, hành trì.

Xét trong thí dụ thứ nhất “cha con thất lạc nhau” lãnh hội thí dụ “chủ nhà” hay gọi là thí dụ tổng. Trong thí dụ tổng ở phẩm trên vốn có sáu nghĩa nhưng thí dụ đây chỉ lãnh hội hai nghĩa tức là “có một đại Trưởng giả và ba mươi người con”. Hai nghĩa này là chủ yếu cũng là trong phẩm Phương tiện nêu lên đức Thích Ca đồng với chư Phật trước khai mở ba thừa và sau hiển bày một thừa để giáo hóa chúng sanh. Nay căn cứ trong thí dụ “cha con đều thất lạc nhau” lãnh hội hai nghĩa vừa nói nhưng không được làm ra hai đoạn mà cha và con cùng chọn lọc làm thành bốn phần chính: 1. Nêu lên con trái nghịch cha mà bỏ đi; 2. Nêu lên cha tìm con mà không thấy; 3. Nêu lên con trở về gần chỗ cha; 4. Nêu lên cha thất lạc con nên lo buồn nhớ nghĩ càng nhiều. Bốn phần này ngụ ý nói lên bốn ý chính như sau: 1. Nói lên xưa kia chúng sanh đã từng ở nơi hai vạn ức đức Phật thọ nhận giáo nghĩa Đại thừa nhưng từ đó về sau đánh mất sự hiểu biết nên bỏ Như Lai mà lưu chuyển qua sáu đường ác; 2. Nói rõ Như Lai từ sau khi chúng sanh đánh mất sự hiểu biết Đại thừa, thường luôn luôn tìm kiếm căn cơ có thể cho mà không thể được; 3. Nói lên chúng sanh từ khi đánh mất Đại thừa đến nay thường hành trì năm giới, mười thiện nghiệp tức có cơ duyên chiêu cảm sự ra đời của Phật. Đây tức là nghĩa “người con dần dần đến gần chỗ cha”; 4. Nói lên chúng sanh đã bị năm thứ như uế gây hôn mê nên Như Lai luôn thương xót. Đây tức có nghĩa là “cha thường xuyên nhớ nghĩ”. Lại nữa, xét trong bốn phần này, mỗi phần lại chia làm hai phần nữa. Trong phần con xa lìa cha có hai tức là: nói lên con trái nghịch với cha mà bỏ đi và nói rõ con hướng đến đất nước mà trở về. Nay nói trong thí dụ “hoặc có người” tức ngụ ý nói rõ bốn vị đại đệ tử cho nên nói “hoặc có người”. “Tuổi thơ bé” tức ngụ ý chỉ cho chúng sanh xưa kia ở nơi hai vạn ức đức Phật đã từng thọ nhận sự giáo hóa Đại thừa của Như Lai. Tuy nhiên lúc ấy thọ nhận sự giáo hóa Đại thừa không lâu cho nên nói là “thơ bé” không hiểu Đại thừa mà chỉ hiểu Tiểu thừa. Nếu nói hiểu Tiểu thừa là thơ bé thì ở dưới nói “tuổi đã già lớn” thì hiểu rõ Đại thừa chẳng! Cho nên biết không thể nói việc hiểu rõ Tiểu thừa là thơ bé. Nhưng sau giải thích nói chỉ là người hiểu Tiểu thừa. Tại sao biết được? Vì là thơ bé nên bỏ cha trốn đi. Nếu không thơ bé tại sao bỏ cha trốn đi? Nay hợp lại để luận ý nói chúng sanh ở chỗ hai vạn đức Phật thọ nhận

sự giáo hóa Đại thừa của Như Lai nhưng lúc ấy chỉ đạt được hiểu biết vượt khỏi hàng phàm phu. Tuy nhiên cách hiểu biết này yếu kém cho nên nói là thơ bé. “Bỏ cha trốn đi” là lạng lẽ mà ra đi chứ chẳng phải công khai mà đi cho nên nói “trốn”. Chữ “đi” nghĩa là bỏ đi tức muốn nói chúng sanh ngấm đánh mất sự hiểu biết về lý Đại thừa trái với lời dạy của Phật.

Hỏi: Phật biết rõ chúng sanh chắc chắn sẽ đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa này vậy lúc ấy tại sao dùng Đại thừa mà giáo hóa?

Đáp: vì lúc ấy Phật thật sự biết chúng sanh sau khi hiểu được lý Đại thừa sẽ đánh mất. Tuy nhiên khi ấy căn cơ Đại thừa chiêu cảm đến Phật nên Phật mới dùng Đại thừa để giáo hóa. Nếu có cảm mà không ứng thì có sự mất mát về căn cơ sai biệt. Đã được sự hiểu biết này rồi, Như Lai lại đi giáo hóa chúng sanh ở phương khác, chúng sanh bèn khởi phiền não đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa.

Hỏi: Nếu Phật đi giáo hóa chúng sanh ở phương khác rồi sau đó chúng sanh được giáo hóa trước tiên kia lại khởi phiền não đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa tức là “cha tự bỏ lia con” thì tại sao nói con bỏ cha mà đi? Nếu chúng sanh ấy xa Phật rồi sau đó khởi phiền não thì có thể nói “con xa lia cha” nhưng nay cha lại đi giáo hóa chúng sanh ở phương khác nên con mới tự đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa thì phải nói là “cha lia con” chứ?

Đáp: đây là nghĩa của sự còn lý thì không như vậy. Làm sao biết được? Vì nếu chúng sanh ấy có cơ duyên chiêu cảm Phật thì Phật tức trụ thế giáo hóa người có căn cơ cũng hết. Do đó Phật bỏ sự giáo hóa nơi đây mà qua giáo hóa chỗ khác chính là do chúng sanh chiêu cảm căn cơ đã hết cho nên Phật bỏ đi nhưng không thể nói Phật bỏ đi mà phải nói cơ duyên đã hết. Chúng sanh này đã chiêu cảm căn cơ trước tiên hết tức là mang nghĩa “con xa lia cha”.

Hỏi: Như Lai đã biết rõ chúng sanh đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa thì xưa kia không nên dùng Đại thừa để giáo hóa?

Đáp: Thật sự Như Lai biết chúng sanh đã đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa nhưng vẫn dùng Đại thừa để giáo hóa là vì đây chính làm tư lương cho hóa độ sau, sau cùng cũng sẽ có lúc phát khởi căn cơ Đại thừa. Phật nói “ta xưa đã từng vì ông mà nói Đại thừa này. Lúc ấy, các ông không thể đem tâm kiên cố để thọ trì lại rộng khởi phiền não nên đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa. Nay lại vì ông nói mà còn không đem tâm kiên cố thọ trì sao! Khi ấy, đại chúng đã nghe mình từng được và đánh mất rồi lại phát tâm quyết định cho nên nói trước đánh mất làm



tư lương (nền tảng) cho sau hiểu. Đã có lực nền tảng cho nên Như Lai mới vì họ nói Đại thừa.

Hỏi: Nếu nói mất thì nay sao nói trở lại sanh?

Đáp: Nói mất ở đây chẳng phải là vĩnh viễn đoạn diệt thiện căn trở thành nhất xiển đề, mà chỉ nói năm thứ nhớ uế của phiền não quá nhiều, khi ấy tâm hiểu biết không hiện hành nên nói là mất. Phàm thiện phát sanh chắc chắn thì lấy tín tâm làm gốc. Lúc ấy tuy đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa nhưng do có tín tâm nên ở trong năm giới, mười điều thiện mà tu hành năng nỗ khiến cho thiện căn của trí nguyện Đại thừa không đoạn dứt. Cho nên nói “Ta xưa giáo hóa ông chí nguyện cầu Phật đạo nhưng ông nay lại quên mất. Ta nay lại muốn khiến ông nhớ nghĩ lại chỗ hành đạo của nguyện xưa”. Do đó nếu nói vĩnh viễn đoạn mất thì sao gọi là nhớ nghĩ!

Hỏi: Nếu nói tín tâm vẫn còn tồn tại thì không nên gọi là làm mất?

Đáp: Đây là nói không có sự hiểu biết về Đại thừa, đâu có ảnh hưởng gì đến niềm tin về Tiểu thừa! “ở lâu nơi nước khác” tức giáo lý Đại thừa gọi là “nước mình”, các kinh giáo năm giới, mười điều thiện gọi là “nước khác”. Sau khi đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa nên phải ở lâu trong năm giới và mười điều thiện để tu hành. Do vậy nói “ở lâu nơi nước khác”. Do đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa sau phải ở trong năm đường cho nên nói “cho đến năm mươi năm”. Đây tức giải thích nghĩa “ở lâu nơi nước khác”. Sở dĩ nói “hoặc mười hoặc hai mươi” là vì ý này nói rõ chưa hẳn đã đầy đủ trải qua hết ở năm đường. Cũng có thể đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa nên sau trải qua trong cõi người nhưng gặp được Phật mà hiểu rõ Đại thừa cho nên nói “hoặc mười”. Cũng có thể sau khi đánh mất Đại thừa, trải qua đường súc sanh hoặc cõi người, vẫn được còn gặp Phật hiểu Đại thừa nên nói hai mươi. Cũng có thể trải qua đủ cả năm đường nhưng sau đó hiểu rõ Đại thừa cho nên nói “cho đến năm mươi năm”. Người đó “tuổi đã lớn” tức không phải nói tâm hiểu lớn dần mà chỉ cho đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa đã lâu cho nên nói “lớn”. “Lại thêm nghèo cùng khốn khổ” nghĩa là hết sạch không còn gì mà gọi là “nghèo cùng”, lại bị rét khổ bức bách nên gọi “khốn khổ”. Nếu theo bên ngoài thí dụ mà nói thì người này tuổi đã già lại luôn khốn cùng khổ sở như người đương thời vậy. Nghĩa là xưa kia khi còn bé chỉ may áo quần dài khoảng một trượng một thước (thước ta) và chỉ ăn uống khoảng một đấu, một thăng. Nhưng nay thân người đã lớn phải ăn nhiều và dùng nhiều vải may mới đủ vậy làm sao

giống như việc ăn mặc thời thơ bé được! Nói lớn ngày nay chỉ là thân xác khôn lớn, theo lý tự biết không thể đủ. Điều này ngụ ý muốn nói chúng sanh lia qua năm đường, nên phải cần nhiều công đức trí nguyện thiện căn tự nuôi lớn, mà vẫn còn dùng sự hiểu biết thấp kém xưa kia tự nuôi sống mình, lại vì không có gì lợi ích cho nên nói là “cùng khổ”. Do đầy đủ trải qua bốn thứ noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh nên nói “bốn phương”. Tuy nhiên do thường trụ tâm tìm kiếm lý cho nên nói “câu ăn mặc”. Lại giải thích rằng năm giới và mười điều thiện chính là nói lấy nhân quả của cõi trời và người làm bốn phương.

“Đạo đi dần dần” trở xuống là nói “người con hướng đến đất nước mà trở về”. “Đạo đi dần dần tình cờ về nước cũ của mình” tức nói lên người con khi ấy không cố ý nên nói hướng đến bốn quốc mà đi. Vì lý luôn thường vậy nên nói là tình cờ. Tuy nhiên bỏ đi các nước chưa hẳn là xa mà hướng đến nước mình chưa hẳn là gần. Như mới ra khỏi đường Bắc cõi Nam một bước tức cũng là bỏ nước mà đi. Nếu bước đến phía Bắc vạn dặm cũng bỏ nước mà đi. Nhưng trở về chưa hẳn là gần cho nên giống như trải qua phía Bắc vạn dặm. Mới quay về hướng Nam mà tác ý trở về; dù tuy mới đi một bước cũng gọi là hướng đất nước mình mà trở về cho nên biết bỏ nước đi chưa hẳn là xa và hướng về đất nước chưa hẳn là gần. Tuy nhiên, bỏ nước đi tuy gần mà có nghĩa xa, còn hướng đến về đất nước tuy xa mà có nghĩa gần. Điều này ngụ ý muốn nói lên giả thuyết Phật quá khứ vì chúng sanh mà giảng pháp nhưng sau khi Phật quá khứ diệt độ, ở khoảng trung gian trải qua một kiếp, đức Thích Ca mới xuất hiện để giáo hóa chúng sanh. Bấy giờ, bỏ Phật quá khứ đã trải qua nửa kiếp. Đây tức là bỏ nước ra đi tức có nghĩa xa. Nếu khiến nửa kiếp sau hướng đến đức Thích Ca chuyển thành gần tức là hướng về nước mình mà có nghĩa gần. Do vậy nói “dần dần tình cờ trở về bốn quốc”.

“Người cha từ trước đến nay tìm con không được” trở xuống là nêu lên việc “cha tìm con mà không được”. Đây có hai phần: 1. Nêu lên cha tìm con mà không được; 2. Nói lên tuy mất con thật khổ nhưng không bỏ gia nghiệp đại sự. Nay nói “người cha từ trước đến nay tìm con mà không được” tức chính là nói đến “tìm con không được” ngụ ý nói rõ Phật từ nơi chỗ hai vạn ức đức Phật đem Đại thừa giáo hóa chúng sanh nhưng sau họ đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa mà Phật luôn đi tìm chúng sanh phát khởi căn cơ Đại thừa đều không được. “Dừng lại một thành trong nước đó” trở xuống tức nêu lên “cha tuy khổ lạc mất một đứa con nhưng vẫn không bỏ gia nghiệp đại sự”. Điều này ngụ

ý muốn nói Như Lai đối với chúng sanh ở một phương này không có căn cơ chiêu cảm cho nên không thể vì họ mà thuyết pháp. Ở phương khác giáo hóa, cuối cùng không bỏ cuộc mà dừng lại một thành trong nước. Thành là đề phòng sự quấy, chống lại hiểm nạn làm nghĩa. Giáo pháp của Như Lai là thành. Nếu nói giáo một khi ngồi đạo tràng Bồ-đề thì có khả năng khiến chánh lý hằng tồn tại thì ngoại đạo tức ẩn cho nên nói pháp làm thành. Do nói rõ quả Phật có đầy đủ các công đức cho nên nói “của báu vô lượng”. “Các kho đụn” tức chỉ cho sự nuôi dưỡng thân mạng nhằm nói rõ nghĩa pháp thân tuệ mạng của Như Lai thường nuôi dưỡng chúng sanh. “Có nhiều tôi tớ” tức trong ngoài phàm phu thọ học làm đệ tử như tôi tớ; còn từ Bồ-tát địa thứ tám trở lên đều như “thần”; từ địa thứ bảy trở xuống Bồ-tát sơ địa thì giống như “tá”; Duyên-giác như “lại” còn Thanh-văn như “dân”; Đại thừa như voi, ba thừa còn lại như ngựa, trâu, dê. “Cho vay trâu vào lời lãi” là giáo từ Phật tuyên nói là xuất ra, công trở về mình như trâu vào lời lãi “khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều” tức chỉ cho việc buôn bán tiền tài cầu giàu sang. Điều này ngụ ý muốn nói lên các vị Bồ-tát theo Phật thọ nhận giáo mà làm lợi ích cho chúng sanh.

“Bấy giờ, gã nghèo kia” trở xuống là nêu lên phần “con dần dần trở về gần cha”, phần này có hai đoạn: 1. Nêu lên nguyên do gần cha; 2. Nêu lên sự gần cha. “Bấy giờ gã nghèo kia” trở xuống “trải qua xóm làng” tức nêu lên nguyên do gần cha. Do đi không nghỉ mà được gần cha. Điều này dụng ý muốn nói rõ do chúng sanh đối với năm giới và mười điều thiện tu tập không thôi cho nên chiêu cảm căn cơ Phật xuất thế. “Lần hồi đến nơi thành của người cha ở” chính là nói lên “con gần cha” nhằm ngụ ý nói chúng sanh có căn cơ chiêu cảm nên Phật thuyết pháp.

“Người cha hằng nhớ con” tức nêu lên việc cha đã thất lạc con đến nay đã lâu nên sanh tâm lo buồn, tức chỉ cho chúng sanh đã bỏ mất sự hiểu biết về Đại thừa mà rộng khởi phiền não khiến Như Lai hằng luôn thương xót tìm kiếm. Căn cứ trong đây cũng có hai phần: 1. Nêu lên khổ nhớ nghĩ về con; 2. Nêu lên giả thuyết về sự an vui khi có được con. Từ “cha thường luôn nhớ con” trở xuống đến “luôn ân cần nhớ đứa con này” tức nói lên nỗi khổ của cha thất lạc đứa con. Chúng sanh từ khi mất hiểu biết bỏ Như Lai mà ra đi trôi nổi trong sáu đường nên nói “biệt ly hơn năm mươi năm”. Sở dĩ nói “hơn năm mươi năm” là vì ở đây có hai cách hiểu. Cách thứ nhất cho rằng đây thật sự là chỉ cho năm đường chớ mà không riêng có A-tu-la. A-tu-la chỉ nhiếp vào đường quỷ thần

và trong quỹ thân loài tối thắng được tách ra gọi là A-tu-la. Đã được tách ra nên nói là “hơn”. Cách hiểu thứ hai cho rằng không phải như vậy. Vì thiện có ba phẩm nhưng hạ phẩm thì chiêu cảm cảnh giới A-tu-la. Do có nhiều luống đối mà câu đạo rất khó cho nên chê trách họ phải ở trong cảnh giới quỷ thần. Đây chính là một đoạn nêu lên chúng sanh đã vì đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa và chỉ có Như Lai tự biết được nên không hướng vào Thanh-văn, Bích-chi Phật. v.v... mà nói pháp, do đó nói “chưa từng vì người nói sự việc như vậy”. “Tâm nhớ mong hồi hận” tức chính là hồi tại ta và hận ở con. Làm sao biết được? Vì trách ta không kiên trì tưởng thưởng cho con lại khiến nó thất lạc bỏ đi. Hận ở con là nó không thể mồ côi như vậy, mà có cha mẹ, tại sao nó không tìm kiếm? Nghĩa cha con là thiên tánh còn mãi. Nay lấy nghĩa cha con để hợp bàn luận. Điều này muốn nói rõ đức Như Lai trách mình xưa kia ở chỗ hai vạn ức đức Phật chỉ dùng Đại thừa giáo hóa nên không thể khiến chúng sanh phát tâm tin nhận để an lập quả vị nhằm không thối đạo. Hận là vì chúng sanh đã hiểu xưa có khác nhau như gỗ như đá vậy tại sao không chịu nhớ nghĩ lại Như Lai xưa kia đã dùng Đại thừa giáo hóa để rồi phải trôi lăn trong sanh tử! Do vậy, cho nên nói “hồi hận”. “Ông tự nghĩ mình đã già nua” tức nêu lên việc từ bỏ Đại thừa đến nay đã lâu rồi cho nên nói “già nua”. Đối với tài vật thì như trước đã giải thích rõ. “Không có đứa con” tức là không có người giao phó để hoàng pháp kế thừa tiếp tục cho nên nói “không có người con này”. “Một mai mà chết mất thì của cải tản mất” tức nói rõ chúng sanh đã không có cơ duyên nên Như Lai bỏ qua nước khác để giáo hóa cho nên nói “chết mất”. Do kinh giáo Đại thừa đối với chúng sanh trở nên vô dụng cho nên nghĩa nói “tản mất không có chỗ để giao phó” “ông lại suy nghĩ: nếu ta gặp đặng con thì uỷ phó của cải cho nó nên thần nhiên khoái lạc, không còn sầu lo” trở xuống là nêu lên giả thuyết “vui sướng khi nghĩ đến gặp được con”. Điều này ngụ ý nói rõ Như Lai gặp được chúng sanh có phát khởi căn cơ Đại thừa có thể giáo hóa tương xứng với ý đại bi đại từ của Như Lai cho nên nói “không còn sầu lo”.

“Bấy giờ, gã cùng tử làm thuê làm mướn lần hồi” trở xuống là nêu lên thí dụ “cha con thấy nhau”. Đây tức lãnh hội thí dụ thứ hai trong nhà lửa nói “Trưởng giả thấy lửa”, cũng lãnh hội xa ở phẩm Phương Tiện nói “ta dùng Phật nhãn quan sát thấy chúng sanh trong sáu đường v. v...”. Tuy nhiên trong thí dụ ở trên chỉ nêu lên nghĩa Trưởng giả thấy con không nói con thấy cha. Điều này chỉ riêng hợp ở trên để nói rõ Phật thấy chúng sanh trong cõi đời với năm thứ nhớ uest có căn cơ thấp

kém như trời, người,... nay trong thí dụ này linh động nói tất cả tức trước hết nêu lên căn cơ nhỏ bé của trời người chiêu cảm được Phật tức là nghĩa “con thấy cha”. Sau đó Phật thấy có căn cơ này tức là nghĩa “cha thấy con”. Nhưng nghĩa cảm ứng chính là cảm tức liền ứng và ứng tức liền cảm. Tuy nhiên nghĩa này nên nói vì có cảm nên có ứng chứ không nên nói trước ứng sau cảm. Do vậy, trong thí dụ này có hai đoạn: 1. con thấy cha; 2. “Ngồi nơi tòa sư tử thấy con bèn nhớ biết” trở xuống là nói lên “cha thấy con”. Xét trong hai đoạn này mỗi đoạn có bốn phần.

Trong đoạn “con thấy cha” có bốn phần tức được trình bày như sau: 1. Nói lên nguyên do thấy cha; 2. Nói lên nơi thấy cha; 3. Chính nói rõ thấy cha; 4. Nói lên con thấy cha mà sanh tâm lo sợ bỏ chạy. Nói “Làm thuê làm mướn lẫn hồi” tức là nêu lên nguyên do thấy cha. Nếu không đi làm thuê làm mướn thì làm sao cùng tử cùng Trưởng giả thấy nhau được. Điều này ngụ ý muốn nói chúng sanh có vốn căn bản tu hành năm giới và mười điều thiện nên dần dần được hỗ trợ đạt nghĩa phát khởi căn cơ nhất thừa. “Tình cờ đến nhà người cha bèn đứng lại bên ngoài cửa” tức là nói lên nơi chốn thấy cha. Điều này ngụ ý muốn nói rõ căn cơ nhỏ bé của chúng sanh tu hành năm giới và mười điều thiện chiêu cảm đến Phật nhưng chưa đúng mức như “đứng ở ngoài cửa”, “xa thấy cha ngồi giường sư tử” trở xuống là nói lên “thấy sự tôn nghiêm của cha”. Điều này ngụ ý muốn nói lên người có cơ duyên tu tập năm giới và mười điều thiện dẫn đến nhìn Phật cho nên nói “thấy cha”, “xa” tức hạng người thuộc hạng căn cơ này từ xa thấy địa Pháp thân cho nên nói là “xa thấy”. Như Lai ngồi tại tòa vô úy cũng giống như giường sư tử vậy. “Ghế báu đỡ chân” tức có hai cách giải thích: 1. Lấy giới và định làm chân còn cảnh của hai đế làm ghế báu; 2. Lấy hai trí quyền và thật làm chân còn cảnh của hai đế là ghế báu. Hai trí của Như Lai thường chiếu rọi vào cảnh của hai đế như ghế báu đỡ chân. “Bà-la-môn” là tiếng Ấn Độ tức chỉ cho dòng họ lớn thanh cao. Từ địa thứ tám trở lên ví như đây nói Bà-la-môn. Địa thứ bảy trở xuống thì ví như “Sát-đế-lợi”. Phạm phu trong Đại thừa ví như cư sĩ.

Hỏi: đã nói Phật trụ ở địa Pháp thân tại sao còn nói vây quanh có các hàng phạm phu...? Đáp: Kinh này nói rõ Pháp thân không đồng với thân thường trụ như các kinh khác nói rõ Pháp thân. Nay kinh này nói Pháp thân tức chỉ cho Ứng thân ở phương khác làm Pháp thân. Như Phật ở cõi nước Vô Lượng Thọ, chúng sanh ở cõi này có cơ duyên chiêu cảm nên Phật ứng hiện đến thì gọi Phật Vô Lượng Thọ là Pháp thân. “Chuỗi ngọc an lạc” cũng có hai cách giải thích: 1. Đây chính là nêu lên các

Bồ-tát có đầy đủ các công đức và trí tuệ; 2. Đây là Phật quả có đầy đủ công đức và trí tuệ. Như chuỗi ngọc an lạc. Duyên-giác ví như “lại”, Thanh-văn ví như “dân”, hạng ngoài phạm phu ví như “tôi tớ”. “Tay cầm phất trần trắng” là chỉ cho người trong ba thừa dùng trí tuệ với tay cầm lý vô sanh quét sạch bụi trần phiền não. Đây là chỉ cho người của ba thừa tự quét sạch phiền não thì cứ gì nói đứng hầu bên phải và bên trái của Phật tức thành Phật?

Đáp: Đây là tự quét lấy phiền não tức nương vào lời Phật dạy nên nghĩa nói “quạt cho Phật”. Hơn nữa kinh Tịnh Danh nói “chúng sanh bệnh ta cũng bệnh và chúng sanh khỏi bệnh thì ta cũng khỏi bệnh” tức có nghĩa nói “quạt cho Phật”. “Màn báu che trên” tức nói rõ tâm đại từ đại bi của Như Lai cao vời có thể che khắp như màn báu. “Nhữngphan hoa thông xuống” tức là tràng phan, dây hoa vốn rải xuống người xem. Thí dụ này ngụ ý nói lên có đức Tứ nhiếp hóa độ chúng sanh. “Nước thơm rưới đất” nghĩa là như ngài Pháp Vân nói “dùng nước thiền định để rưới lên đất tịnh giới”. Bụi trần phiền não ngấm quá lâu nên phải lấy nước thiền định hỗ trợ giới khiến mạnh mẽ ngăn trừ các ác. Nhưng cõi Phật không có điều ác mà chỉ có thiền định nên thường không có ác sanh khởi cho nên nói “ngấm lâu”. “Rãi các thứ danh hoa” tức lấy bảy thứ thanh tịnh làm hoa. “Các vật báu trưng bày” tức nói rõ Như Lai thuyết nhân quả một thừa với vạn thiện đồng quy nhằm nêu lên các công đức cho nên nói “các vật báu trưng bày” giáo nghĩa từ Phật mà tuôn ra cho nên nói “phát ra” công đức giáo hóa quy về nơi Phật cho nên nói “thâu vào” người trước kia thọ nhận giáo pháp nên nói là “lấy”. Do được thọ ký nên gọi là “cho”.

“Cùng tử thấy cha có thế lực lớn” trở xuống là nêu lên việc “con thấy cha” tức nói lên gã cùng tử đã thấy rõ sự tôn quý của Trưởng giả. “Sanh lòng lo sợ” tức ngụ ý nói chúng sanh chỉ có căn cơ tu tập năm giới và mười điều thiện đến chiêu cảm Phật. Căn cơ nhỏ bé này đối với giáo nghĩa một thừa tròn đầy thì không thể kham nhận được lý nên sanh tâm lo sợ. Căn cơ nhỏ bé thuộc năm giới và mười điều thiện không thể lãnh hội giáo nghĩa một thừa nên quyết định không có lợi ích cho nên nói “hối hận đến đây” “nó thâm nghĩ rằng” tức nêu lên theo lý mà bàn luận nghĩa là chẳng phải công khai nói ra cho nên nói “thầm lặng” “hoặc là vua, hoặc là bậc đồng vua” tức nói lên Phật là bậc chúa tể của giáo nghĩa một thừa. Nếu nói giáo ba thừa tức Phật là bậc đồng vua. Nếu là giáo một thừa thì Phật cũng chẳng phải tương ứng với căn cơ thuộc năm giới và mười điều thiện. Nếu chỉ lại nói ba thừa giáo thì Phật cũng chẳng

phải thích nghi với hạng căn cơ thuộc năm giới và mười điều thiện. Do đó trong thí dụ mới nói “chẳng phải là chỗ của ta làm thuê mượn đặng tiền vật”. “Chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo có chỗ cho ta ra sức để đặng đồ mặc vật ăn” có nghĩa là giáo lý của trời người thì chỉ cho “xóm nghèo” còn đối với giáo lý của trời người này mà tu hành thì gọi là “gắng sức”. Năm giới và mười điều thiện là nhân để chiêu cảm quả báo của trời, người giống như nói “đặng đồ mặc vật ăn”. “Nếu đứng lâu ở đây hoặc rồi họ sẽ bức ngặt” tức ngụ ý nói lên căn cơ nhỏ bé của trời, người sợ hãi trước giáo nghĩa Đại thừa của Phật. Phật hoặc dùng giáo nghĩa Đại thừa giáo hóa Tiểu thừa khiến chúng sanh thực hành cho nên nói “bức ngặt”. Do “chẳng phải là chỗ ham muốn của ta” cho nên nói “cưỡng bức”. Do muốn bỏ Đại thừa mà hưởng đến Tiểu thừa cho nên nói “chạy nhanh”. Tuy nhiên, muốn bỏ đi mà do chưa đi được.

“Khi đó ông Trưởng giả ngồi nơi tòa sư tử thấy con bèn nhớ biết” trở xuống là nêu lên đoạn “cha thấy con”. Trong đoạn này cũng có bốn phần: 1. Nói lên chỗ thấy con; 2. Nói lên sự thấy con; 3. Nói lên thấy được con nên sanh tâm vui mừng; 4. Nói lên Trưởng giả sanh tâm niệm vui sướng. Nay nói “ở ngồi nơi tòa sư tử” tức là nêu lên nơi chốn thấy con nhằm ngụ ý nói rõ Như Lai trụ tại tòa pháp thân vô úy. “Thấy con bèn nhớ biết” tức chính nêu lên sự thấy con nhằm ngụ ý nói rõ Như Lai thấy chúng sanh liền nhớ biết thuở xưa Như Lai đã từng dùng giáo nghĩa Đại thừa để giáo hóa họ. Điều này tức hợp với thí dụ trong nhà lửa ở trên nói “Trưởng giả thấy lửa lớn, từ bốn phía khởi lên” cũng tương ứng với trong phẩm Phương tiện nói “ta dùng Phật nhãn quan sát thấy chúng sanh trong sáu đường” “Tâm rất vui mừng” tức nêu lên Trưởng giả đã biết đó là con nhỏ cho nên sanh vui mừng nhằm ngụ ý nói rõ Phật đã thấy chúng sanh Tiểu thừa này phát khởi căn cơ Đại thừa và dùng vốn căn bản thiện căn xưa làm lợi ích mà hiểu rõ Đại thừa tương xứng với ý đại bi cho nên nói “vui mừng”. “Liền suy nghĩ” trở xuống là nêu lên Trưởng giả khởi tâm niệm vui mừng vô hạn, nhằm ngụ ý nói rõ Như Lai thấy thiện căn của chúng sanh phát khởi ắt có thể giáo hóa giao phó pháp. “Ta thường luôn nhớ nghĩ không còn gặp lại đứa con này nữa” nghĩa là nói lên từ chỗ hai ức đức Phật chúng sanh đã đánh mất sự hiểu biết về Đại thừa nên Phật thường xuyên tìm kiếm thiện căn của chúng sanh mà không được cho nên nói “không còn thấy được con”. Nay mới thấy thấy thiện căn phát khởi cho nên nói “thích hợp với ý nguyện của ta”. “Ta dẫu tuổi già nua” tức nêu lên sự bỏ phế Đại thừa đã lâu nên nói “tuổi già nua” “Nhưng vẫn còn tham tiếc” là nêu lên tuy bỏ sự giáo hóa

Đại thừa đã lâu nhưng vẫn còn muốn dùng Đại thừa để giáo hóa chúng sanh cho nên nói “tham tiếc”. Trong bốn pháp này thì pháp thứ hai và thứ tư chính là hợp nêu lên “năng kiến” ở trên. Còn pháp thứ nhất và thứ ba chẳng phải chính lãnh hội ở trên.

“Liên sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt lại” trở xuống là nêu lên thí dụ “gọi còn mà không được” tức lãnh hội thí dụ trong nhà lửa nói “thân và tay của ta có sức mạnh” nhằm nêu lên thí dụ Trưởng giả “cứu con mà không được”. Đây cũng xa lãnh hội trong phẩm Phương tiện nói “Ta xưa ngồi đạo tràng” trở xuống tức nói rõ Như Lai dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh mà không thể được. Trong thí dụ về nhà lửa ở trên vốn có hai đoạn: khuyên và răn bảo, đồng thời mỗi đoạn cũng được phân làm riêng biệt. Nay trong đây đều hợp nêu lên tất cả điều đó. Đã hợp nêu lên tất cả tức khai mở làm ba đoạn: 1. “Gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: tôi không hề xúc phạm tại sao lại bị bắt” tức nêu lên dự định khuyên để thích nghi và sự không có căn cơ ở trên; 2. Từ “kẻ sử giả đó càng gấp cưỡng dất đem về” trở xuống đến “càng sợ sệt mê ngất ngã xuống đất” tức nêu lên lần thứ hai kêu gọi mà không đến chính là nói lên dự định răn dạy để thích nghi và sự không có căn cơ; 3. Từ “cha xa thấy con” trở xuống tức nói lên thí dụ cha đã sắp đặt cho con tức bao gồm lãnh hội hai loại khuyên răn và ngưng giáo hóa. Đây là sự không tương ứng trong phần khai mở thí dụ mà trong hợp dụ lại tương ứng. Lại nữa xét trong ba đoạn này mỗi đoạn được mở làm hai: Trong đoạn ban đầu khai mở làm hai nghĩa là: 1. Nêu lên dự định khuyên thích nghi ở trên; 2. “Gã cùng tử kinh sợ” trở xuống là nêu sự không có căn cơ.

Trong hai đoạn, mỗi đoạn có hai phần: Đoạn dự định khuyên có hai tức là: 1. Nói “liên sai người hầu cận rút đuổi theo bắt lại” đây lãnh hội phẩm trước: suy nghĩ rồi khuyên tương ứng với thí dụ trong nhà lửa nói “Trưởng giả này liền suy nghĩ: thân và tay ta có sức mạnh” sở dĩ nói người hầu cận là vì căn cứ ở kinh giáo làm nghĩa. Nếu đứng trên lý thì đó chính là Đại thừa, còn đứng trên giáo thì nói đó là hầu cận. Giáo là nói rõ lý nhưng giáo chẳng phải là lý cho nên nói “người hầu cận”.

